

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 962 /UBND - KT

Bỉm Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 9

V/v giao chỉ tiêu nạo vét khơi thông
dòng chảy. phá bỏ ách tắc trên hệ
thống kênh tiêu năm 2019.

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Chi nhánh thủy lợi Bỉm Sơn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6090/UBND-NN, ngày 20/5/2019 về việc nạo vét khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu năm 2019.

Để chủ động với công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019, UBND thị xã Bỉm Sơn yêu cầu UBND các xã, phường, Chi nhánh thủy lợi Bỉm Sơn và các đơn vị có liên quan tập trung triển khai đồng bộ một số nội dung sau:

1. Tổ chức ra quân đồng loạt nạo vét khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu trước mùa mưa bão năm 2019, trên phạm vi toàn thị xã từ ngày 30/5/2018 đến ngày 25/6/2018.

Tổng khối lượng:

- Nạo vét hệ thống kênh tiêu toàn thị xã : **16.264 m³**.

- Cắt cỏ, vớt bèo khơi thông dòng chảy: **150.930m²**.

(Chi tiết có phụ lục khối lượng chi tiết kèm theo).

2. UBND các xã, phường:

- Tổ chức, huy động lực lượng toàn dân ra quân nạo vét, khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu trong mùa mưa bão năm 2019.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm luật thủy lợi, Pháp lệnh đê điều và PCTT.

3. Chi nhánh thủy lợi Bỉm Sơn:

- Phối hợp với phòng Kinh tế khảo sát thiết kế, hướng dẫn kỹ thuật cho các xã, phường để thực hiện việc nạo vét, cắt cỏ, vớt bèo khơi thông dòng chảy các kênh tiêu.

- Kiểm tra các công trình tiêu: Trạm bơm, các cống tiêu; phát hiện các hư hỏng và kịp thời sửa chữa để vận hành tiêu an toàn chủ động.

- Tổ chức nạo vét, cắt cỏ, vớt bèo khơi thông dòng chảy các tuyến mương do Chi nhánh quản lý.

4. Phòng Kinh tế:

Tập trung chỉ đạo công tác ra quân nạo vét khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu năm 2019.

Tham mưu cho UBND thị xã, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

Nhận được Công văn này yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung trên. Kết quả thực hiện báo cáo về UBND thị xã (*qua phòng Kinh tế*) trước ngày **27/6/2019** để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN & PTNT Thanh Hóa(b/c);
- Chủ tịch UBND thị xã(b/c);
- Các đơn vị liên quan(t/h);
- Lưu: VT, KT.



Tổng Thanh Bình

PHỤ LỤC:
GIAO CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG NẠO VẾT HỆ THỐNG KÊNH TIÊU
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ
(Kèm theo Công văn số 962/UBND-ĐT KT ngày 29/5/2019
của UBND thị xã Bình Sơn).

TT	Đơn vị thực hiện	* Chỉ tiêu thực hiện				Khối lượng	
		Chiều dài (m)	Bđáy (m)	Hệ số mái	H nạo vét (m)	Cắt cỏ, vớt bèo (m ²)	Nạo vét (m ³)
I	Xã Quang Trung					18.530	4.914
1	Kênh tiêu khu mạ trước làng	300	2	1	0,4	1200	288
2	Kênh bờ bao	500	4	1,5	0,4	3000	920
3	Kênh Đồng Chùa	600	3	1	0,4	3000	816
4	Kênh T3-4 (trạm điện)	680	2	1,0	0,5	2720	680
5	Kênh TN4 (đồng chùa)	520	2	1,0	0,4	1560	410
6	Kênh Bờ Bao	1.800	2	1,0	0,4	5400	1.400
7	Kênh T3-5(thầy bói-gốc đa)	550	1,5	1,0	0,5	1650	400
II	Phường Phú Sơn					6.900	500
1	Kênh Góc mít đi đồng Gùng	1.800	1	1	0,5	5400	
2	Kênh TN3(đồng trì-thanh niên)	500	2	1	0,5	1500	500
III	Xã Hà Lan					32.400	8.650
1	Kênh tây đường 89	800	3	1	0,5	2400	1.200
2	Kênh đường Ông Quý	500	1,5	1	0,5	1500	375
3	Kênh đường Ông Đào	500	1,5	1	0,5	1500	375
4	Kênh sau làng	800	1	1	0,5	2400	400
5	Kênh đông cống Ông Chi	1.300	3	1	0,5	3900	1.950
6	Kênh T9	1800	1,2	1	0,5	5400	1.080
7	Kênh dọc mã hóa Điền lư	1.100	1,2	1	0,5	3300	660
8	Kênh đông Đùng Điền Lư	700	1,0	1	0,6	2100	420
9	K. hói Điền lư	300	1,0	1	0,5	900	150
10	Kênh đông Đùng Điền Lư	700	1,2	1	0,4	2100	340
11	Kênh Cống Giá	1.500	1,5	1	0,5	4500	1.100
12	Kênh Cống Phú Xuân Nội	800	1,5	1	0,5	2400	600
IV	Phường Lam Sơn					900	150
1	Muong Nghĩa Môn	300	1	1	0,5	900	150
V	Phường Đông Sơn						550
1	Kênh Đồng Bằng	1000	0,5	1	0,4	3000	200
2	Kênh Đồng Lún	1400	0,5	1	0,5	4200	350

VI	Chi nhánh thủy lợi					92.200	1.500
1	Kênh Thanh Niên	8.400	5	1,5		50.000	1.000
2	Kênh T1	2.400	1,5	1,5		14.400	
3	Kênh T2	1.793	4	1,5		16.000	
4	Kênh trạm bơm Tam Đa	1.600	4	1,5		12.800	
5	Kênh trạm bơm Đoàn Thôn	1.037	3	1,5		6.200	500
	Tổng cộng					150.930	16.264